

# THỦ KHOA BÙI HỮU NGHĨA (NGHI CHI) RỒNG VÀNG ĐẤT NAM BỘ



**Thông tin người dự thi:**

Họ và tên : **Lê Xuân Trường**

Sinh ngày : 08/02/1965

Giới tính : Nam

Nghề nghiệp : Công chức

Dân tộc : Kinh

Là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam

Là Đoàn viên Công đoàn

Đơn vị công tác : Phòng Quản lý Sở hữu Trí tuệ - Sở Khoa học và Công nghệ  
tỉnh Đồng Nai

Nơi thường trú : K3/244 Bùi Hữu Nghĩa, phường Bửu Hòa, Thành phố Biên  
Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Số điện thoại : 0903874107

Email : Nhan8265@yahoo.com

## PHẦN I:

### SUY NGHĨ VÀ CẢM NHẬN VỀ NHỮNG GIÁ TRỊ LỊCH SỬ - VĂN HÓA ĐỐI VỚI THỦ KHOA BÙI HỮU NGHĨA.

#### Từ câu hỏi của trẻ thơ.

Cách đây khoảng hai năm, con trai út (khoảng 8 tuổi) của tôi bất ngờ chỉ bảng tên đường nơi nhà tôi ở và hỏi: Ba ơi, ông Bùi Hữu Nghĩa là ai vậy ba ? Tại sao lại lấy tên Ông đặt tên cho con đường nơi nhà mình ở ?

Câu hỏi bất ngờ làm tôi thật sự bối rối, vì tôi không thể có đủ thông tin để trả lời đầy đủ và chính xác được câu hỏi trên cho con tôi, tôi chỉ có thể trả lời chung chung là: Ông Bùi Hữu Nghĩa là một ông quan hồi xưa, Ông có tài và được nhân dân thương yêu.

Sau đó tôi phải nhờ đến “ông Google” để nắm thêm một số thông tin sơ lược về Ông Bùi Hữu Nghĩa là :” *Nhà thơ yêu nước Bùi Hữu Nghĩa hay Thủ khoa Nghĩa hiệu Nghi Chi, sinh năm Đinh Mão (1807) tại làng Long Tuyền, nay thuộc phường An Thới, TP.Cần Thơ. Từ nhỏ đã có tư chất thông minh, ông đỗ Giải nguyên năm Ất Mùi 1835 và mất năm 1872. Ông là một nhà nho cương trực có nhiều tác phẩm lớn được nhân dân tôn vinh là một trong bốn Rồng vàng đất Nam Bộ*” .

Với guồng xoay của cuộc sống, tôi chỉ có thể biết thêm một số thông tin sơ lược về Ông như trên để có thể trả lời thêm cho câu hỏi của cậu con trai út ..... và tôi còn mang nợ về ý nghĩa lịch sử - văn hóa của nhân vật lịch sử này.

#### **Đền hưỡng ứng phong trào tham gia “Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa lịch sử Đồng Nai năm 2014”**

Đến giữa năm 2014, lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ phát động phong trào trong toàn thể cán bộ, công chức Sở Khoa học và Công nghệ Đồng Nai tích cực tham gia “**Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa lịch sử Đồng Nai năm 2014**” do Ban tổ chức Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa – lịch sử tỉnh Đồng Nai tổ chức.

Tôi thấy đây là một dịp rất tốt để “giải quyết” được “món nợ” của tôi còn mang, đó là dịp để tôi có thể đi sâu tìm hiểu thêm về giá trị văn hóa - lịch sử của nhân vật lịch sử là Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa đối với đất Đồng Nai nói riêng và Việt Nam nói chung.

Trong quá trình tìm hiểu tư liệu liên quan đến Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa, tôi đã tiến hành một cuộc khảo sát “bỏ túi” đối với cộng đồng nơi tôi sinh sống, các đồng nghiệp của tôi, ... về sự hiểu biết đối với Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa. Tôi cũng đặt câu hỏi giống như của con trai út đã hỏi tôi: Ông Bùi Hữu Nghĩa là ai ? tại sao tên Ông được đặt tên cho nhiều con đường/trường học ?

Kết quả cuộc khảo sát thật đáng buồn:

+ 1% số người được khảo sát biết khá nhiều thông tin về Ông;

+ 19% số người được khảo sát biết thông tin chung chung về Ông;

+ 80% số người được khảo sát không biết thông tin về Ông.

Qua tìm hiểu tại các tài liệu, tham quan thực tế một số di tích lịch sử và công trình văn hóa liên quan đến Ông, tôi đã có được một số thông tin để trả lời được các câu hỏi trên.

## TÓM TẮT TÌNH HÌNH LỊCH SỬ ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM THỜI KỲ ĐẦU THẾ KỶ 19

### Nhà Nguyễn lập lại chế độ phong kiến tập quyền

Năm 1802 sau khi thắng nhà Tây Sơn, Nguyễn Ánh đặt niên hiệu Gia Long, chọn Phú Xuân làm kinh đô, lập ra triều Nguyễn ; năm 1806, lên ngôi Hoàng đế. Nhà nước quân chủ tập quyền được củng cố. Vua Nguyễn trực tiếp điều hành mọi việc hệ trọng trong nước từ trung ương đến địa phương.

Nhà Nguyễn đặt lại chế độ quân điền. Nông dân bị trói buộc vào ruộng đất để nộp tô thuế và đi phu dịch cho nhà nước. Nhưng phần lớn ruộng đất đã tập trung vào tay địa chủ. Do vậy, chế độ quân điền không còn tác dụng phát triển nông nghiệp và ổn định đời sống nhân dân.

Các tầng lớp nhân dân sống khổ cực vì địa chủ hào lí chiếm đoạt ruộng đất, quan lại tham nhũng, tô thuế phu dịch nặng nề . Nạn dịch bệnh, nạn đói hoành hành khắp nơi. **“Quan coi dân như kẻ thù, dân sợ quan như cọp, ngày đục tháng khoét của dân cho đầy túi riêng”**. Năm 1828. viên quan Bắc Thành là Nguyễn Công Trứ dâng sớ tố cáo : **“cái hại quan là một hai phần, cái hại hào cường đến tám chín phần. Nó làm con cái người ta thành mồ côi, vợ người ta thành góa bụa..., cứ công nhiên không kiêng sợ gì”**.

Hàng trăm cuộc nổi dậy từ Bắc chí Nam, từ miền xuôi đến miền ngược đã bùng lên suốt hơn nửa thế kỉ thống trị của nhà Nguyễn. Nổi bật hơn cả là các cuộc khởi nghĩa của Phan Bá Vành, Nông Văn Vân, Lê Văn Khôi, Cao Bá Quát...

Năm 1858, Thực dân Pháp nổ súng xâm lược Việt Nam tại bán đảo Sơn Trà - Đà Nẵng, chính thức giai đoạn xâm chiến đất nước Việt Nam. Lịch sử Việt Nam chuyển sang một giai đoạn mới.

### **Những sự kiện chính lịch sử Việt Nam đầu thế kỷ 19:**

1802 : Nguyễn Ánh lên ngôi, triều Nguyễn được thành lập.

1804 : Gia Long đặt quốc hiệu là Việt Nam, kinh đô đóng ở Phú Xuân (Huế).

1815 : Ban hành bộ Hoàng triều luật lệ (còn gọi là bộ luật Gia Long).

1820 : Minh Mạng lên ngôi hoàng đế.

1821 - 1827 : Khởi nghĩa Phan Bá Vành.

1831 - 1835 : Nhà Nguyễn (thời Minh Mạng) sắp xếp lại các đơn vị hành chính trong cả nước.

1833 - 1835 : Khởi nghĩa Nông Văn Vân, Khởi nghĩa Lê Văn Khôi.

1838 : Quốc hiệu Đại Nam.

1854 - 1856 : Khởi nghĩa Cao Bá Quát.

1858 : Thực dân Pháp nổ súng xâm lược Việt Nam tại bán đảo Sơn Trà - Đà Nẵng. Lịch sử Việt Nam chuyển sang một giai đoạn mới.

### **TÓM TẮT TIỂU SỬ THỦ KHOA BÙI HỮU NGHĨA (1807-1872)**

#### **Tóm tắt tiểu sử:**

Bùi Hữu Nghĩa hiệu là Nghi Chi là một trong những nhà yêu nước thời cận đại. Ông sinh năm Đinh Mão (1807) tại thôn Long Tuyền, tổng Định Thới, phủ **Định Viễn** (Vĩnh Định), trấn Vĩnh Thanh (nay thuộc phường An Thới và Long Hòa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ). Cụ thân sinh ông là **Bùi Hữu Đá** (Bùi Hữu Vị), gia đình sống bằng nghề chài lưới.

Ngay từ nhỏ, Bùi Hữu Nghĩa đã có sẵn tư chất thông minh, ham học. Gia đình nghèo khó, song cha mẹ vẫn tạo điều kiện cho ông học tập tốt. Xã trưởng Ngô Khắc Giản là người rất mến tài đức của Bùi Hữu Nghĩa, đã nhận đỡ đầu và giới thiệu ông lên Biên Hòa thọ giáo thầy đồ Hoàn, tức Nguyễn Phạm Hàm, một cộng sự của thủ lĩnh Lê Văn Khôi.

Trong thời gian học tập tại Biên Hòa, ông ở trọ nhà ông Nguyễn Văn Lý, làng Mỹ Khánh, tổng Chánh Mỹ Thượng (nay là phường Bửu Hòa, Thành phố

Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai), được gia đình cụ Lý hết sức mến thương, tạo điều kiện cho ông "nấu sủ sôi kinh".

Nhờ sự chỉ dạy tận tình của thầy, sự khuyến khích giúp đỡ của bạn đồng môn nên Bùi Hữu Nghĩa học hành rất tiến bộ. Tháng 02 năm Ất Vị (1835), Bùi Hữu Nghĩa tham dự khoa thi Hương tại Trường thi Gia Định và đã đỗ Giải Nguyên (đỗ đầu/thủ khoa). Khi đó ông Lý tỏ ý gả con là Nguyễn Thị Tồn cho, nhưng Ông xin khất lại chờ thừa qua cha mẹ.

Mới 28 tuổi, nhưng danh tiếng của Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa đất Long Xuyên đã vang lừng khắp lục tỉnh. Một năm sau (năm Bính Thân 1836), Ông đi dự thi Hội ở Huế, nhưng không may thi rớt. tuy vậy, Ông vẫn được vua Minh Mạng ưu ái cho lưu lại Triều đình Huế làm tập sự tại Bộ Lễ Một thời gian rồi được cử đi sứ sang Trung Quốc.

Khi trở về nước, Ông Bùi Hữu Nghĩa được bổ nhiệm làm Tri huyện Phước Chánh, thuộc phủ Phước Long, tỉnh Biên Hòa. Thời gian này, Ông kết hôn cùng cô Nguyễn Thị Tồn, con gái cụ Nguyễn Văn Lý.

Tuy làm quan lớn, nhưng Ông Bùi Hữu Nghĩa luôn giữ mình thanh liêm, chính trực. Nhiều lần xử kiện, Ông luôn giữ thái độ công chính liêm minh, bênh vực quyền lợi chính đáng của người nghèo, Ông đã mắng kẻ hối lộ, nghiêm trị kẻ gian. Lối xử ấy của Ông đã làm hạ uy tín bọn tham quan ô lại, không được lòng các quan trên. Chính vì thế Ông bị đổi xuống làm Tri Huyện Trà Vang (nay là Trà Vinh).

Thuở ấy phủ Trà Vang (nay là Trà Vinh) thuộc tỉnh Vĩnh Long, dưới quyền cai quản của Tổng đốc Trương Văn Uyên và Bố chánh Truyen. Là một kẻ sĩ tự vượt khó lập thân, ông tỏ ra “dị ứng” với đám quan lại dốt nát, tha hóa nhưng leo cao nhờ thân thế, nhờ luồn cúi. Tệ hơn nữa là bọn họ chỉ lo gây bè kết phái, cấu kết nhau bày vẽ hòng sách nhiễu dân lành vốn đã thừa khốn khó trong buổi loạn ly...

Một lần do tánh cương trực, Ông Bùi Hữu Nghĩa đã cho lính đánh đòn một cậu công tử xác xược với Ông, trong khi đó cậu công tử đó vốn là em vợ Bố chánh Truyen và Ông đã chuốc lấy mối hiềm thù...

Nhắc lại chuyện cũ, đầu thế kỷ 19 - Trà Vang là một địa bàn cộng cư của cả người Kinh, người Hoa nhưng đông nhất là người Khơ-me. Những lúc bôn tẩu vì quân Tây Sơn rượt đuổi, Nguyễn Ánh được những người gốc Khơ-me ở đây giúp đỡ lương thực; lại có một số dân vào lính lập được công lao, nên khi lên ngôi thì vua Gia Long (Nguyễn Ánh ) nhớ ơn, xuống chiếu miễn thuế khai thác thủy sản cho vùng này.

Vậy mà, vào năm 1848 có một số người gốc Hoa đã lót tay bằng “phong bì” với những quan trên ở Vĩnh Long như Tổng đốc Uyên và Bố chánh Truyen để “mua thầu” độc quyền khai thác cá tôm ở rạch Láng Thè, đẩy người dân Khơ-me vốn nghèo thêm lâm vào cảnh trắng tay.

Lẽ ra đây chỉ là một vụ việc nhỏ, có thể giải quyết một cách ôn hòa, nhưng do cái tâm luôn hướng về dân nghèo và quá bất bình trước việc làm khuất lấp, thỏa thuận ngầm của các quan trên, nên khi các hương mục Khơ-me kéo đến khiếu kiện ở dinh môn, Bùi Hữu Nghĩa đã có bút phê vào đơn một câu gây hậu quả hết sức nghiêm trọng: **“Việc tha thuế thủy lợi là ơn huệ của vua Thế Tổ ban cho dân Thổ, nay ai nhỏ hơn vua Thế Tổ mà dám đứng bán rạch ấy, thì có chém đầu nó cũng không sao!”**.

Dân nghèo gốc Khơ-me từ lâu bị dày xéo như giun dế, nghe lời phán xử, bèn hè nhau đến phá đập của những người gốc Hoa và hai bên xảy ra một cuộc xô xát đẫm máu làm thiệt mạng 8 người gốc Hoa.

Thế là, bọn quan tỉnh đã sẵn mối hiềm khích từ trước nên nhân cơ hội này cho bắt một số người có liên quan và bắt luôn Ông Bùi Hữu Nghĩa tạm giam ở Vĩnh Long rồi giải về Gia Định, đệ sớ lên triều đình tố cáo Ông đã kích động dân Khơ-me làm loạn, lạm phép giết người.

Và khi hay tin triều đình kết tội chết cho chồng, bà Nguyễn Thị Tồn, vợ ông nhờ người em bạn dì là Quản Kiệm tìm cách tạm lùì ngày thi hành chiếu chỉ để bà có đủ thời giờ quá giang ghe bầu từ Định Tường (Tiền Giang ) vượt vô vùn hiềm nguy, sóng gió ra tận kinh đô Huế đánh trống, đội đơn kêu oan .

Bấy giờ, Phan Thanh Giản đang làm Thượng thư bộ Lại ở triều đình. Bà Thủ khoa tìm đến tư dinh cụ Phan trình bày sự lộng quyền của các quan tỉnh Vĩnh Long, rồi nghe theo lời khuyên, bà đến Tam pháp ty gióng trống “kích cổ đặng vắn” kêu oan cho chồng, nêu cao một tấm gương **“Liệt phụ khả gia”** như lời ban tặng của bà Từ Dụ thái hậu.

Được Thượng thư Bộ lại Phan Thanh Giản tận tình giúp đỡ, nhà vua sau khi cho thăm tra xem xét, đã tha tội chết cho Bùi Hữu Nghĩa. Nhưng buộc Ông phải ra trận lập công chuộc tội bằng cách đi trấn nhậm tại đồn Vĩnh Thông, Châu Đốc với chức danh "Thủ Ngự". Vậy là sau gần mười năm làm quan, ông vì dám quan lại tha hóa ám hại nên gần như mất sạch.

Ở đây, Ông có nhiệm vụ dẹp yên những cuộc "nổi loạn" của người Miên. Đồn Vĩnh Thông thuộc huyện Hà Âm, Tịnh Biên (An Giang ngày nay) là một địa danh rất hiểm trở, Ông và quân lính phải chiến đấu trong điều kiện hết sức khó khăn gian khổ. Nhưng ông đã lập nhiều chiến công và được thăng chức phó Quản Cơ.

Trước cái mất mát nơi chốn quan trường, Ông Bùi Hữu Nghĩa không một lời than vãn, thì trước sự ra đi vĩnh viễn của người vợ hiền dám ra tận kinh đô kêu oan cho chồng, đã khiến ông đau đớn tột cùng.

Chuyện kể, sau khi cứu được chồng, bà Thủ khoa từ kinh đô về đến quê hương của bà ở Biên Hòa, vì hao tổn nhiều tâm lực, khác phong thổ nên bà lâm bệnh nặng rồi

mất và được an táng tại nhà cha mẹ ruột. Lúc bấy giờ Thủ khoa Nghĩa đang ở biên ải xa xôi nên khi đến nơi thì việc tống táng đã xong, ông đành làm bài văn tế muộn, một cặp câu đối( một Hán, một Nôm) với những lời lẽ hết sức chân thật, thống thiết.

Tai ương liên tiếp đến với Ông Bùi Hữu Nghĩa, thật *phúc bất trùng lai, họa vô đơn chí*. Đứa con gái đầu lòng là Bùi Thị Xiêm mất tại Phước Long lúc mới ba tuổi, đứa con trai thứ hai là Bùi Hữu Vàng cũng không nuôi được. Lúc Ông lâm nạn ở Láng Thé thì đứa con trai thứ ba Bùi Hữu Tú mới chín tuổi, bà Tôn phải gửi người thân là ông Quản Kiệm trông nom để bà ra Huế kêu oan cho chồng.

Trong một lần bị tấn công bất ngờ, ông bị bắt đưa về Campuchia giam tại U Đông (Ou Dong). Nhiều người Khơ-me ở Láng Thé (Trà Vinh) hay tin đã đến kể hết đầu đuôi vụ án Láng Thé ngày nào và họ còn tha thiết xin thế mạng. Vua Campuchia lúc đó là An Đương có cảm tình với ông nên đã tha chết và cho người đưa ông về xứ. Khi về nước, Bùi Hữu Nghĩa ghé thăm quê nhà sau ba năm xa cách. Bà Nguyễn Thị Tôn đã qua đời cũng đã tròn ba năm. Con gái đầu của ông là Bùi Thị Xiêm cũng đã mất. Đau thương đến với Bùi Hữu Nghĩa thật là vô hạn. Nhưng ông phải nén đau thương để tiếp tục phận sự nơi biên ải xa xôi.

Những ngày còn lại ở biên giới, ông tục huyền với bà Lưu Thị Hoán (Lưu Thị Chi) con gái ông xã trưởng Lưu Văn Dự.

Vì mang nặng nỗi buồn gia đình, ngao ngán cảnh quan trường đầy tham nhũng bất công, sau khi về Đồn Vĩnh Thông một thời gian, Bùi Hữu Nghĩa đã gửi sớ lên triều đình xin từ chức. Sau đó, ông cùng vợ về quê ở Bình Thủy, mở trường dạy học, bốc thuốc chữa bệnh cho dân, lấy biệt hiệu là "Liễu Lâm chủ nhân".

Trước cảnh đất nước lâm nguy, những người tri thức yêu nước như cụ Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa không thể khoanh tay ngồi nhìn giang sơn sa vào tay giặc Pháp, nhân dân khổ cực làm than. Ngoài việc dạy học, chữa bệnh cứu dân lành, Bùi Hữu Nghĩa đã cùng Phan Văn Trị tham gia nhóm "Tao Đàn Bà Đồ", tham gia phong trào Văn thân chống Pháp. Tuổi cao sức yếu, không còn xông pha chiến trận, nên ông đã dùng ngòi bút của mình làm vũ khí chống quân xâm lược và bọ tay sai bán nước, cổ vũ phong trào yêu nước của nhân dân ta.

Biết Bùi Hữu Nghĩa là một sĩ phu yêu nước, đang cổ vũ nghĩa sĩ đứng lên giúp nước, trừ gian, thực dân Pháp đã dùng mọi cách dụ dỗ mua chuộc ông. Nhưng Bùi Hữu Nghĩa tỏ rõ lòng yêu nước, bất khuất của người chí sĩ. Vì vậy, năm 1868, ông bị giặc Pháp bắt ở Vĩnh Long. Sau đó chúng giải ông về Gia Định, cho tay sai là Đỗ Hữu Phương bảo lãnh về nhà riêng tiếp đãi tử tế hòng mua chuộc ông. Nhưng cuối cùng bọn chúng vẫn không khai thác được



gì; ngược lại, ông còn nói thẳng với Đỗ Hữu Phương: "*Đầu tôi không sợ rơi, mà chỉ sợ phải đội chung trời với những kẻ đang thiêu đốt giang sơn này*". Vì sợ dư luận lên án nên Đỗ Hữu Phương đã thông đồng với giặc Pháp để thả ông về.

Trong mười năm về ở ẩn, Bùi Hữu Nghĩa vẫn canh cánh bên lòng nỗi đau của người dân mất nước, non sông chìm trong máu lửa, ông vẫn nuôi hy vọng ở lớp trẻ sau này sẽ gánh vác việc non sông. Vì thế ông đã dành hết thời gian, tâm huyết của một nhà giáo đào tạo lớp học trò và khuyên họ nên học những điều tốt để trở thành người hữu ích cho dân, cho nước.

Cũng trong thời gian về ở ẩn, Bùi Hữu Nghĩa đã sáng tác nhiều thơ văn nói về thời cuộc. Thơ văn của Bùi Hữu Nghĩa chính là tiếng nói của tấm lòng ông, của nhân dân trong hoàn cảnh đau thương của đất nước bằng những lời lẽ giản dị, chân thật và sâu sắc. Về tuồng, ông đã thành công và nổi tiếng với vở "Kim thạch kỳ duyên". Về thơ, có rất nhiều bài, nội dung chủ yếu vẫn thể hiện lòng yêu nước, thương dân, đúng như cuộc đời và tấm lòng ông vậy.

Tuy không còn đủ sức chống chọi với cuộc đời, nhưng ông vẫn theo dõi thời cuộc, những bước đi của dân tộc. Khi nghe tin cuộc nổi dậy của nghĩa quân chống Pháp thất bại; vua quan nhà Nguyễn đầu hàng giặc, Bùi Hữu Nghĩa không chịu đựng nổi sự đau khổ, đã qua đời vào ngày 21 tháng giêng năm Nhâm Thân - 1872, hưởng thọ 65 tuổi.

### **Tinh thần TRUNG – NGHĨA qua các tác phẩm:**

Trong bối cảnh xã hội phong kiến Việt Nam đầu thế kỷ 19, nhân dân ngày càng cùng cực dưới sự bóc lột của quan lại, cường hào địa chủ; các quan lại chỉ giỏi nghi kỵ, thâm tócm, đàn áp...nhưng lại tỏ ra hèn nhát, bất lực, không đoàn kết được dân tộc trước gót giày giặc ngoại xâm. Mặc dù có nhiều cuộc kháng chiến anh dũng của những vị anh hùng như Trương Định, Nguyễn Trung Trực, Võ Duy Dương, Nguyễn Hữu Huân ...và một số trung thần dốc sức chống đỡ như Tôn Thất Hiệp, Nguyễn Tri Phương, Hoàng Diệu ...Nhưng cuối cùng, đất nước ta cũng mất dần vào tay ngoại xâm .

Trước hết đó là Tinh thần yêu nước của Ông thể hiện xuyên suốt qua nhiều tác phẩm thơ ca, càng về sau thì tinh thần yêu nước chống giặc Pháp xâm lược và bọn quan lại hèn nhát “thủ hòa” càng mãnh liệt, tạo nên các đợt sóng ngầm vực dậy tinh thần yêu nước chống giặc ngoại xâm trong nhân dân ta. Điển hình là tác phẩm “Ai xui Tây đến”:

*Ai khiến thằng Tây tới vậy cà?*

*Đất bằng bồng chóc nổi phong ba*

**Hỏi hỏi ít mặt đền nợ nước**

*Nháo nhác nhiều tay bận nổi nhà.*

*Đá sắt ôm lòng cam với trẻ*

*Nước non có mắt thấy cho già*

*Nam Kỳ chi thiếu người trung nghĩa*

*Báo quốc cần vương để một ta?*

(Đăng trên Mítsolavê của Pétrutký – Sài Gòn 1889)

Bài thơ đã được dịch ra tiếng Pháp làm cho kẻ thù ăn không ngon ngủ không yên một thời. *Ai khiến thằng Tây tới vậy cà?* là một câu hỏi tu từ không cần trả lời mà người đọc vẫn tìm ra kẻ *công rắn cắn gà nhà*, *rước voi dày má tổ* chính là Nguyễn Ánh và triều đình nhà Nguyễn tham sống sợ chết. Phái chủ hòa chiếm số đông trong triều do Tôn Thọ Tường cầm đầu, cùng với vua Tự Đức luôn luôn sợ sức mạnh của giặc ngoại xâm đang từng bước xâm chiếm đất nước .

Nêu rõ vận mệnh của cả dân tộc đang chơ vơ bên bờ vực:

*“Non nước hãy còn đương bầy bá,*

*Đất trời sao nữa khiến lay vay.”*

*(Ngọa bệnh ngâm thơ).*

Là một người làm quan trong xã hội phong kiến, nhưng Ông thể hiện sự chính trực thanh liêm, đã không vì VINH LỢI mà xu nịnh, a dua theo đám tham quan nhà Nguyễn bóc lột trên xương máu dân nghèo, Ông đã sớm nhận ra số lớn quan lại chỉ là “lục lục thường tài cũng một đời”; họ luôn chực chờ thâu tóm lợi riêng, không mấy ai đáng mặt là rường cột của nước nhà:

*“Đành cột không nên rường chẳng hạn,*

*Phải con nước lụt dần thân bừa”*

*(Cây dừa)*

Hoặc:

*“Rường soi cột trở chưa nên mặt,*

*Cao lớn làm chi bản hời bản!”*

*(Cây bần)*

Thể hiện sự thương dân hiền và phẫn nộ trong bối cảnh xã hội phong kiến suy tàn, cảm thán phẫn quan thanh liêm chính trực. Tính cương trực, thanh liêm của Ông đã không được chế độ phong kiến suy tàn thừa nhận, mà bị bung bít bởi nhiều

lớp rào của những đầu óc hủ lậu, tham ô quan lại, cường hào ác bá giang mắc mọi nơi dày đặc, đến nỗi những trí thức lớn, có tên tuổi và vị trí quan trọng trong xã hội, được nhân dân yêu mến như Nguyễn Thông, Bùi Hữu Nghĩa, .... Cũng đành bất lực.

*“Mịt mịt mây đen kéo tối sầm  
Đau lòng thuở nợ chốn Hà Âm  
Đống xương vô định sương phau trắng  
Vũng máu phi thường cỏ nhuộm thâm  
Gió trốt dật dờ nơi chiến lũy,  
Đèn trời leo lét dậm u lâm  
Nghĩ thương con tạo sao đời đời  
Dấng dòi(vang động ) đêm trường tiếng đế ngâm”.*  
(Qua Hà Âm cảm tác)

Thương nước, yêu dân, sống có tình, có nghĩa, coi trọng đạo đức và nhân phẩm; Cho dù bị giá họa, bị đẩy vào ngõ cụt trong vụ án Láng Thè, toàn bộ sự nghiệp của Ông đã tan tác, nhưng Ông vẫn an nhiên với một tấm lòng “ uy vũ bất năng khuất”. Ông là một viên quan cương trực, thương dân nghèo, bênh vực người hiền lành nên bị bọn quan lại biến chất trù dập. Là một nhà thơ yêu nước, ông đã dùng ngòi bút của mình mượn đề tài vịnh vật, vịnh sử để phê phán bọn bán nước , bọn xôi thịt và gửi gắm nỗi lòng mình .

*“Nhuợng chẳng là nhuợng kẻ cày voi  
Lục tục thường tài cũng một mồi,  
Mù mịt bởi mây che bóng nguyệt,  
Âm thâm vì trống lấp hơi còi,  
Kìa câu ích kỷ kinh còn tạc  
Nợ kẻ khi nhân thánh hời coi.  
Lẩn thân hết suy rồi đến thời  
Ngày qua, tháng lại bước đường thoi”.*  
(Bị giam ở Vĩnh Long)

Và cả ngay khi nằm trên giường bệnh, Ông cũng luôn trăn trở với mệnh nước sa vào tay giặc ngoại xâm:

*Ngàn vàng khôn dễ sánh mình này  
Sanh có ngày âu thác có ngày  
Non nước hãy còn đang bầy bá  
Đất trời sao nữ khiến lay vay .....*

*(Ngâm thơ trên giường bệnh)*

Hoặc là bản khoản về tuổi cao sức yếu trước vận mệnh đất nước nguy nan:

*“Chợt tới gương soi thấy râu thêm bạc  
Dạo xem vườn hoa, mắt thấy ánh vẽ hồng  
Mong được non sông nguyên vẹn cũ  
Giữa đất trời say khướt một thi ông”*

Và tin tưởng mãnh liệt :

*“Anh hùng sáu tỉnh thiếu chi đây  
Đâu để giang sơn đến nỗi này?”*  
(Thời cuộc)

Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa không những là người chiến sĩ hết lòng vì dân vì nước, mà còn là một người chồng rất mực thủy chung, người cha thương yêu con vô hạn. Thể hiện qua:

Cặp đối chữ Hán:

*“Ngã bản, khanh năng trợ; ngã oan, khanh năng minh, triều dã giai xưng khanh  
thị phụ/ Khanh bệnh, ngã bất dục; khanh tử ngã bất táng, giang sơn ưng tiểu ngã phi  
phu”.*

*(Ta nghèo, mình hay giúp đỡ; ta tội, mình biết kêu oan, trong triều ngoài quận  
đều khen mình mới thật là vợ/ Mình bệnh, ta không thuốc thang; mình chết, ta không  
chôn cất; non sông cười ta chẳng xứng gọi là chồng).*

Cặp đối chữ Nôm :

*“Đất chẳng phải chồng, bao nữ thối xương gởi đó,  
Trời mà mất vợ, thử xem gan ruột mần răng!”*

Trích văn tế khóc vợ :

*“Phụng lìa đôi chéch mác, đừng nói sửa sang giếng mối, khi túng thiếu manh  
quần tấm áo, biết lấy ai mà cậy nhờ/ Gà mất mẹ chít chiu, đừng nói nhắc biểu học  
hành, khi lạt thêm miếng bánh đồng hàng, biết theo ai mà tỏ thể”.*

Hay:

*“Tớ nghèo mình lo giúp, tớ oan mình lo kêu, chòm xóm đều khen mình đáng vợ.  
Mình đau tớ chẳng nuôi, mình chết tớ chẳng táng, non sông cười phận tớ làm chồng”*

Và một bài thi :

*“Đã chồng ba năm mới dựng thăm,  
Màn loan đâu vắng bật hơi tăm  
Gió đưa, đâu thấy hình dương liễu,  
Đêm vắng, ai hoài tiếng sắc cầm.  
Chồng nhớ vợ, lòng tơ bối rối,  
Con thương mẹ, lụy ngọc tuôn dầm .  
Có linh chín suối đòng xao lãng,  
Thỉnh thoảng về thăm lúc tối tăm ” ...  
Đề mô nhà vợ*

Trích đoạn văn tế khóc vợ:

*“ Con chín tuổi thơ ngây, một bóng em bao đành nhắm mắt tầm tiên / Chồng  
trăm bề lo lắng một mình, bâu bao nữ sắp lưng cỡi hạc ... Đêm khuya hãy nâng niu  
một trẻ, nghĩ từ con ruột tơ kim châm / Ngày ra vào vắng vẻ không em, nhớ từng  
chặng gan đường muối xót” .*

Đến nay, đã hơn một thế kỷ trôi qua, nhưng tên tuổi và sự nghiệp của vị Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa vẫn là vàng hào quang chói lọi đối với các thế hệ noi theo. Cuộc đời của ông là một tấm gương sáng về lòng yêu nước, thương dân; về đức tính thanh liêm, chính trực; về khí phách kiên cường đấu tranh chống áp bức, bóc lột, bất công, cường quyền. Ông có những quan điểm tiên bộ vượt lên khuôn khổ nho giáo phong kiến đương thời về quân chúng nhân dân, dân tộc, phụ nữ... Thơ văn của Bùi Hữu Nghĩa là vũ khí đấu tranh chống bè lũ bán nước và thực dân xâm lược, cổ vũ phong trào đấu tranh của nhân dân ta, thể hiện lòng yêu nước thương dân tha thiết. Ông còn là người thầy giáo mẫu mực, người thầy thuốc tận tụy, hết lòng phục vụ nhân dân, xứng đáng cho các thế hệ noi theo.

Với đạo đức, tài năng và công lao như vậy, Bùi Hữu Nghĩa xứng đáng là Nhà yêu nước thời cận đại, nhà thơ, nhà soạn tuồng nổi tiếng của miền Nam cuối thế kỷ 19, là một danh nhân văn hóa của đất nước, đúng như câu ca dao vẫn được truyền tụng trong nhân dân:

***“Đồng Nai có bốn rông vàng.  
Lộc họa, Lễ phú, Sang đàn, Nghĩa thi”***

Hay :

***“Vinh Long có cặp rông vàng***

### ***Nhật Bùi Hữu Nghĩa, nhì Phan Tuấn Thân”***

*Nghĩa thi* chính là Ông Bùi Hữu Nghĩa - con *Rồng vàng* của đất Đồng Nai - Vĩnh Long, là rồng vàng trong lòng nhân dân Nam Bộ. Cho đến nay các ông *Lộc họa, Lễ phú, Sang đàn* là những ai thì ít người biết và chưa xác định được quê quán, tài năng của họ ra sao. Còn Phan Tuấn Thân là Phan Thanh Giản, là người đầu tiên đỗ Tiến sĩ ở Nam Bộ, có tài thơ và có học vị cao nhất cũng phải xếp sau Bùi Hữu Nghĩa, đủ thấy danh hiệu *Rồng vàng* mà nhân dân phong tặng cho Ông thật cao quý và xứng đáng.

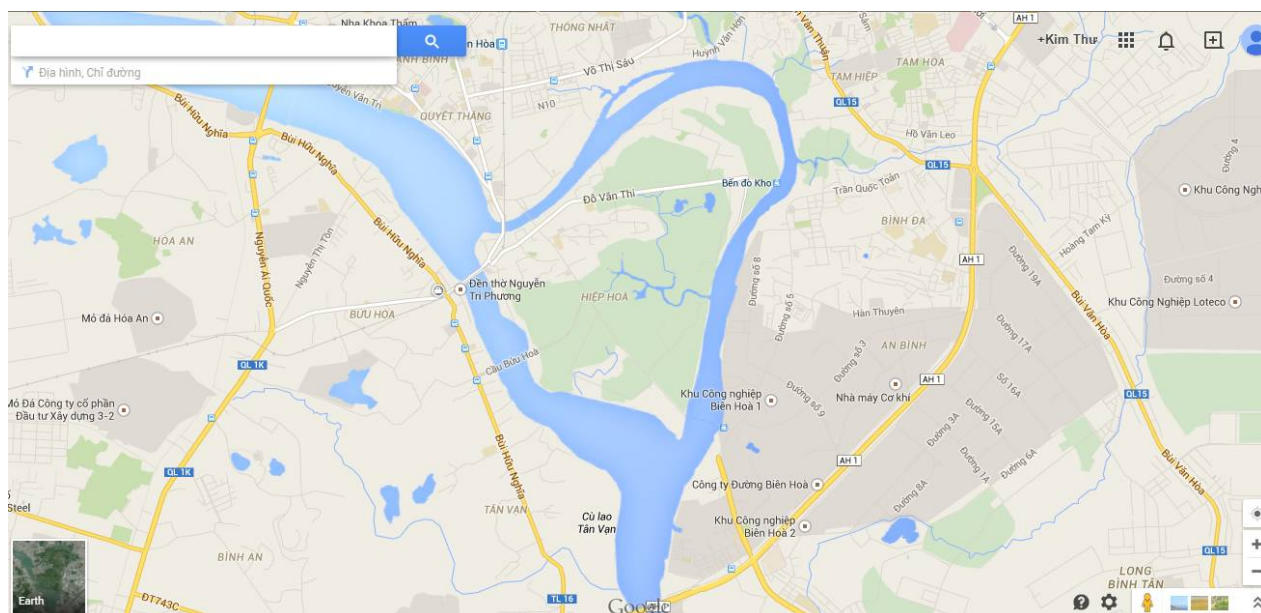
### **SỰ TRI ÂN CỦA NGƯỜI ĐỜI SAU**

Ngưỡng mộ công đức của Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa, nhân dân vùng quê Ông đã lập thân chủ, bài vị tôn thờ vợ chồng Ông ở đình thần Bình Thủy và chùa Nam Nhã (Thành phố Cần Thơ). Hàng năm vào ngày 21 tháng giêng đều tổ chức lễ giỗ Ông.

**Phân mộ của Ông** được xây dựng năm 1872 bằng đá ong tại Quận Bình Thủy – Thành phố Cần Thơ, từ năm 1872 đến nay đã được trùng tu bốn lần, bắt chập sự dòm ngó của kẻ thù trong thời kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ (1942, 1964, 1975, 1987). Bia đá cũ còn nguyên hàng chữ: *Đại Nam – Hiến Khảo giải nguyên Bùi phủ quân chi mộ. Tết vu Nhâm Thân niên, chính nguyệt, niệm nhất nhật – Nam Bùi Hữu Tú kính lập.* Trước mộ Cụ có đèn thờ ghi hai chữ lớn làm bài vị: *Trung Nghĩa.*

Rất nhiều địa phương đã lấy tên Ông để đặt tên cho các trường học, đường phố, tỏ lòng tri ân tấm gương TRUNG NGHĨA – một con rồng vàng của đất Nam bộ, như ở Thành phố Đà Nẵng (đặt tên đường), Thành phố Hồ Chí Minh (đặt tên đường), Thành phố Cần Thơ (đặt tên phường, đặt tên trường PTTH, đặt tên trường mầm non), Thành phố Long Xuyên – tỉnh An Giang (đặt tên trường THCS) .

Ở Thành phố Biên Hòa – tỉnh Đồng Nai, chính quyền và nhân dân đã lấy tên Ông để đặt tên cho con đường Tỉnh lộ 16 – đoạn từ cầu Tân Vạn đến ngã cầu Ông Tiệp, Đường Bùi Hữu Nghĩa (còn gọi là đường 760) nối QL1A đi qua các phường Tân Vạn, Bửu Hòa, xã Hóa An và xã Tân Hạnh đến huyện Tân Uyên (tỉnh Bình Dương) được xem là con đường huyết mạch của TP Biên Hòa; đặt tên cho một ngôi trường trung học cơ sở tại Phường Hồ Nai. Đặc biệt, để tỏ lòng kính trọng **tấm gương “Liệt phụ khả gia”**, chính quyền và nhân dân thành phố Biên Hòa cũng đặt tên Bà Nguyễn Thị Tồn làm tên một con đường tại phường Bửu Hòa (đường Nguyễn Thị Tồn bắt ngang đường Bùi Hữu Nghĩa).



*Bản đồ đường Bùi Hữu Nghĩa và đường Nguyễn Thị Tôn ở Biên Hòa, Đồng Nai*

Đề tri ân công đức Trung - Nghĩa cao quý của Ông Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa, Ủy ban Nhân dân Thành phố Cần Thơ đã quyết định trùng tu phần mộ của Ông và xây dựng khu tưởng niệm mới theo lối kiến trúc cổ với quy mô hoành tráng, có giá trị thẩm mỹ cao. Khu tưởng niệm Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa, có tổng diện tích khoảng 10.000m<sup>2</sup>, gồm nhiều hạng mục chính như : nhà thờ, nhà trưng bày, nhà khách, nhà bia tưởng niệm, khu mộ, công tam quan, sân đường, bãi đỗ xe... Tổng kinh phí đầu tư xây dựng hơn 54 tỷ đồng từ nguồn vốn ngân sách nhà nước và nguồn vốn huy động. Quá trình trùng tu và xây dựng Khu tưởng niệm Ông thực hiện từ năm 2010, đến 2012 thì hoàn thành.

Ngày 01 tháng 3 năm 2013, Ủy ban Nhân dân Thành phố Cần Thơ đã tổ chức kỷ niệm 141 năm ngày mất (1807 - 1872) và khánh thành Khu tưởng niệm Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa tại phường Bùi Hữu Nghĩa (quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ).

Tháng 8 năm 2014, trong một chuyến đi công tác tại miền tây Nam bộ, người viết đã cùng anh em trong phòng Quản lý Sở hữu trí tuệ - Sở Khoa học và Công nghệ Đồng Nai đã viếng thăm Đình Bình Thủy, chùa Nam Nhã (Quận Bình Thủy – Thành phố Cần Thơ) để cùng đốt nén nhang tri ân trước bài vị nhà danh nhân **TRUNG - NGHĨA** của đất nước.

Đoàn cũng viếng thăm Khu tưởng niệm Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa tại phường Bùi Hữu Nghĩa (quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ), đoàn đã đốt nén nhang tri ân trước bàn thờ Ông, tìm hiểu các tài liệu về Ông. Và ở nơi đây đoàn đã được Ông La

Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa

Bài dự thi HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2014.

Lê Xuân Trường – SỞ KH&CN Đồng Nai

---

Văn Mới - là một trong những người quản lý Khu tưởng niệm (là cháu nhiều đời của Ông Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa) hướng dẫn tham quan, giới thiệu về lịch sử và các giai thoại về Ông Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa cũng như thăm viếng Khu tưởng niệm.



*Đoàn cán bộ Sở Khoa học và Công nghệ Đồng Nai thăm viếng Khu tưởng niệm Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa tại phường Bùi Hữu Nghĩa quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ – Tháng 8/2014.*

Theo Ông La Văn Mới cho biết: Trong Khu tưởng niệm mới xây, phần mộ của Ông Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa được bảo tồn giữ nguyên như cũ về vị trí và kiến trúc. Phần mộ mới tôn tạo được xây dựng phủ lên trên kiến trúc phần mộ cũ của Ông Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa. Đồng thời đề tưởng nhớ và tri ân đến “**Liệt phụ khả gia**” Nguyễn Thị Tôn, các nhà thiết kế đã xây dựng một phần mộ (mộ gió) Bà Nguyễn Thị Tôn kế bên phần mộ Ông Bùi Hữu Nghĩa.



Ngày 25-1-1994, khu mộ của ông được Bộ Văn hóa Thông tin xếp hạng là Di tích Lịch sử- Văn hóa cấp quốc gia.



*Khu mộ Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa  
được xếp hạng là Di tích Lịch sử- Văn hóa cấp quốc gia .*

Nhớ tới Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa là nhớ tới *Rồng vàng* , là tấm gương sáng TRUNG – NGHĨA của đất Đồng Nai nói riêng và của đất miền Nam nói chung.

## PHẦN II

### Ý KIẾN GÓP Ý, ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ.

Qua quá trình nghiên cứu tìm hiểu, đi thực tế tham quan để có tư liệu viết bài dự thi, người viết đã có nhiều suy nghĩ và kiến nghị như sau:

**Một là:** Với kết quả khảo sát bỏ túi mà người viết trình bày ở đầu bài, phần nào cho thấy ngày nay, vấn đề tri thức về lịch sử, cội nguồn dân tộc, gương sáng của các bậc danh nhân tiên nhân trong nhân dân, đặc biệt là trong tầng lớp trẻ đang ngày càng ít được quan tâm.

Ngay từ những năm đầu của Cách mạng Việt Nam, Bác Hồ đã sáng tác bài thơ “Lịch sử nước ta” (Năm 1941). Bài thơ gồm 210 câu thơ lục bát, dễ thuộc, dễ hiểu. Qua bài thơ, Bác Hồ đã tường thuật cả tiến trình hơn 4.000 năm lịch sử dựng nước và giữ nước cho đến đầu thế kỷ 20. Tất cả chỉ 14 trang (có hai trang mục lục) mà nhắc tới đủ hết các triều đại, nhân vật lịch sử Việt Nam. Bác Hồ ý thực được tầm quan trọng của lịch sử nước nhà trong toàn thể quần chúng, qua đó khơi gợi lòng tự hào dân tộc để tăng thêm tinh thần yêu nước mãnh liệt trong nhân dân. Bác Hồ dạy chúng ta phải học, phải hiểu, phải biết cho tường tận, cụ thể gốc tích lịch sử nước nhà Việt Nam. Đây không chỉ là lời kêu gọi mà còn là yêu cầu của Bác với toàn thể nhân dân Việt Nam, mà đặc biệt là thế hệ học sinh phải hiểu rõ được lịch sử Việt Nam, bởi lẽ lịch sử là những gì thuộc về quá khứ nếu không có quá khứ sẽ không có hiện tại và tương lai.

*“Dân ta phải biết sử ta*

*Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam ...”*

*(Lịch sử nước ta)*

**Để thực hiện lời dạy trên của Bác, việc giảng dạy lịch sử cần phải chú trọng để môn** lịch sử được giảng dạy dễ hiểu, dễ nhớ, đầy đủ và đúng trong trường phổ thông, phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng. Đây là vấn đề lớn mà các cơ quan quản lý các cấp cần phải chú trọng quan tâm trong nền kinh tế thị trường ngày nay, đã đến lúc rất cần thiết phải xem xét lại giáo trình và phương pháp giảng dạy môn lịch sử trong trường phổ thông để người dạy và người học thấy “yêu” môn lịch sử hơn.

Kiến nghị nên đưa môn lịch sử là môn thi chính trong trường phổ thông.

**Hai là:** Vấn đề ô nhiễm văn hóa ngày nay đã là vấn đề lớn cần đặc biệt quan tâm.

Ngày nay, vấn đề ô nhiễm môi trường đang là vấn đề thời sự lớn đã và đang được xã hội và các cơ quan quản lý quan tâm và ngăn chặn kịp thời. Tuy nhiên Ô nhiễm môi trường có thể làm ảnh hưởng xấu đến một khu vực dân cư, có thể làm thiệt hại đến một vài khu vực cộng đồng – Còn ô nhiễm văn hóa thì là vấn đề lớn và nguy hiểm hơn ô nhiễm môi trường rất nhiều, nó tác động đến sự tha hóa nhân cách, tinh

thần dân tộc và tinh thần yêu nước trong phạm vi lớn của toàn cộng đồng xã hội, nó có thể “giết chết” cả dân tộc nếu chúng ta không ý thức ngăn chặn sự ô nhiễm này kịp thời.

Ngày nay, cùng với sự hội nhập kinh tế thì văn hóa nước ngoài cũng đã và đang thâm nhập vào nước ta tràn lan. Thấy rõ ràng

#### 1.1. Định nghĩa văn hóa

Từ “văn hóa” có rất nhiều nghĩa. Trong tiếng Việt, văn hóa được dùng theo nghĩa thông dụng để chỉ học thức (trình độ văn hóa), lối sống (nếp sống văn hóa); theo nghĩa chuyên biệt để chỉ trình độ phát triển của một giai đoạn (văn hóa Đông Sơn)... Trong khi thế nghĩa rộng thì văn hóa bao gồm tất cả, từ những sản phẩm tinh vi hiện đại cho đến tín ngưỡng, phong tục, lối sống, lao động... Chính với cách hiểu rộng này, văn hóa mới là đối tượng đích thực của văn hóa học. Tuy nhiên, ngay cả với cách hiểu rộng này trên thế giới cũng có hàng trăm định nghĩa khác nhau. Để định nghĩa một khái niệm, trước hết cần xác định được những đặc trưng cơ bản của nó. Đó là những nét riêng biệt và tiêu biểu, cần và đủ để phân biệt khái niệm (sự vật) ấy với khái niệm (sự vật) khác. Phân tích các cách tiếp cận văn hóa biến hiện nay (coi văn hóa như tập hợp, như hệ thống, như giá trị, như hoạt động, như kí hiệu, như thuộc tính nhân cách, như thuộc tính xã hội...), có thể xác định được 4 đặc trưng cơ bản mà tổng hợp lại, ta có thể nêu ra một định nghĩa văn hóa như sau:

**VĂN HOÁ** : là một hệ thống hữu cơ các giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo và tích lũy qua quá trình hoạt động thực tiễn, trong sự tương tác giữa con người với môi trường tự nhiên và xã hội.

Dưới đây, chúng ta đi vào xem xét từng đặc trưng của văn hóa được nói đến trong định nghĩa cùng các chức năng của nó.

#### 1.2. Các đặc trưng và chức năng của văn hóa

1.2.1 Văn hóa trước hết phải có tính hệ thống. Đặc trưng này cần để phân biệt hệ thống với tập hợp; nó giúp phát hiện những mối liên hệ mật thiết giữa các hiện tượng, sự kiện thuộc một nền văn hóa; phát hiện các đặc trưng, những quy luật hình thành và phát triển của nó. Nhờ có tính hệ thống mà văn hóa, với tư cách là một thực thể bao trùm mọi hoạt động của xã hội, thực hiện được chức năng tổ chức xã hội. Chính văn hóa thường xuyên làm tăng độ ổn định của xã hội, cung cấp cho xã hội mọi phương tiện cần thiết để ứng phó với môi trường tự nhiên và xã hội của mình. Nó là nền tảng của xã hội - có lẽ chính vì vậy mà người Việt Nam ta dùng từ chỉ loại “nền” để xác định khái niệm văn hóa (nền văn hóa).

#### 1.2.2. Đặc trưng quan trọng thứ hai của văn hóa là tính giá trị.

Văn hóa theo nghĩa đen nghĩa là “trở thành đẹp, thành có giá trị”. Tính giá trị cần để phân biệt giá trị với phi giá trị (vd: thiên tai, mafia). Nó là thước đo mức độ nhân bản của xã hội và con người. Các giá trị văn hóa, theo mục đích có thể chia thành giá trị vật chất (phục vụ cho nhu cầu vật chất) và giá trị tinh thần (phục vụ cho nhu cầu tinh thần); theo ý nghĩa có thể chia thành giá trị sử dụng, giá trị đạo đức và giá trị thẩm mỹ; theo thời gian có thể phân biệt các giá trị vĩnh cửu và giá trị nhất thời. Sự phân biệt các giá trị theo thời gian cho phép ta có được cái nhìn biện chứng và khách quan trong việc đánh giá tính giá trị của sự vật, hiện tượng; tránh được những xu hướng cực đoan - phủ nhận sạch trơn hoặc tán dương hết lời. Vì vậy mà, về mặt đồng đại, cùng một hiện tượng có thể có giá trị nhiều hay ít tùy theo góc nhìn, theo bình diện được xem xét. Muốn kết luận một hiện tượng có thuộc phạm trù văn hóa hay không phải xem xét mối tương quan giữa các mức độ “giá trị” và “phi giá trị” của nó. Về mặt lịch đại, cùng một hiện tượng sẽ có thể có giá trị hay không tùy thuộc vào chuẩn mực văn hóa của từng giai đoạn lịch sử. Áp dụng vào Việt Nam, việc đánh giá chế độ phong kiến, vai trò của Nho giáo, các triều đại nhà Hồ, nhà Nguyễn... đều đòi hỏi một tư duy biện chứng như thế. Nhờ thường xuyên xem xét các giá trị mà văn hóa thực hiện được chức năng quan trọng thứ hai là chức năng điều chỉnh xã hội, giúp cho xã hội duy trì được trạng thái cân bằng động, không ngừng tự hoàn thiện và thích ứng với những biến đổi của môi trường, giúp định hướng các chuẩn mực, làm động lực cho sự phát triển của xã hội

#### 1.2.3. Đặc trưng thứ ba của văn hóa là tính nhân sinh.

Tính nhân sinh cho phép phân biệt văn hóa như một hiện tượng xã hội (do con người sáng tạo, nhân tạo) với các giá trị tự nhiên (thiên tạo). Văn hóa là cái tự nhiên được biến đổi bởi con người. Sự tác động của con người vào tự nhiên có thể mang tính vật chất (như việc luyện quặng, đẽo gỗ...) hoặc tinh thần (như việc đặt tên, truyền thuyết cho các cảnh quan thiên nhiên...). Như vậy, văn hóa học không đồng nhất với đất nước học. Nhiệm vụ của đất nước học là giới thiệu thiên nhiên - đất nước - con người. Đối tượng của nó bao gồm cả các giá trị tự nhiên, và không nhất thiết chỉ bao gồm các giá trị. Về mặt này thì nó rộng hơn văn hóa học. Mặt khác, đất nước học chủ yếu quan tâm đến các vấn đề đương đại, về mặt này thì nó hẹp hơn văn hóa học. Do mang tính nhân sinh, văn hóa trở thành sợi dây nối liền con người với con người, nó thực hiện chức năng giao tiếp và có tác dụng liên kết họ lại với nhau. Nếu ngôn ngữ là hình thức của giao tiếp thì văn hóa là nội dung của nó.

#### 1.2.4. Văn hóa còn có tính lịch sử

Nó cho phép phân biệt văn hóa như sản phẩm của một quá trình và được tích lũy quan hệ thể hệ với văn minh như sản phẩm cuối cùng, chỉ ra trình độ phát triển của từng giai đoạn. Tính lịch sử tạo cho văn hóa một bề dày, một chiều sâu; nó buộc văn hóa thường xuyên tự điều chỉnh, tiến hành phân loại và phân bổ lại các giá trị. Tính lịch sử được duy trì bằng truyền thống văn hóa. Truyền thống văn hóa là những giá trị tương đối ổn định (những kinh nghiệm tập thể) được tích lũy và tái tạo trong cộng đồng người qua không gian và thời gian, được đúc kết thành những khuôn mẫu xã hội và cố định hóa dưới dạng ngôn ngữ, phong tục, tập quán, nghi lễ, luật pháp, dư luận... Truyền thống văn hóa tồn tại nhờ giáo dục. Chức năng giáo dục là chức năng quan trọng thứ tư của văn hóa. Nhưng văn hóa thực hiện chức năng giáo dục không chỉ bằng những giá trị đã ổn định (truyền thống), mà hệ thống chuẩn mực mà con người hướng tới. Nhờ nó mà văn hóa đóng vai trò quyết định trong việc hình thành nhân cách (trồng người). Từ chức năng giáo dục, văn hóa có chức năng phái sinh là đảm bảo tính kế tục của tích sử: Nó là một thứ “gien” xã hội di truyền phẩm chất con người lại cho các thế hệ mai sau ./